

a. Cụm từ chỉ nguyên nhân

Chúng ta thường dùng các cụm **because of/ due to/ owing to + noun/pronoun/V_ing** để đề cập đến lý do, nguyên nhân.

Như vậy chúng ta có thể thấy các cụm này đóng vai trò như là một giới từ trong câu.

Ex:

- She didn't want to be my girlfriend **because of my appearance**.

(Cô ấy không muốn làm bạn gái tôi vì vẻ ngoài của tôi)

- They did not recruit me **due to my lack of experience**.

(Họ không tuyển tôi vì tôi thiếu kinh nghiệm)

- I did not eat anything at the party **because of being full already**.

(Tôi không ăn bất cứ thứ gì ở buổi tiệc vì tôi đã no rồi)

- **Due to not paying attention**, I hit a car ahead.

(Bởi vì không để ý tôi đã đâm vào chiếc xe phía trước)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Thức ăn nhanh được ưa chuộng bởi rất nhiều người bởi vì sự tiện lợi của nó.

- fast food (u) thức ăn nhanh

- convenience (u) sự tiện lợi

- be popular with sb: được ưa chuộng
bởi ai đó

2) Chúng tôi đã hoãn buổi hội thảo đến chủ nhật tới bởi vì điều kiện thời tiết xấu.

- delay=postpone (t) hoãn

- weather condition (c) điều kiện thời
tiết

- conference (c) hội thảo

3) Những hóa chất này bị cấm trong công nghiệp bởi vì những tác động tiêu cực của chúng lên môi trường tự nhiên.

- chemical (c) điều kiện thời tiết
- ban = prohibit (t) cấm
- industry (c/u) công nghiệp

- effect=influence=impact (on) (c) tác động

4) Sự gia tăng tội phạm ở khu vực này chủ yếu là do những yếu tố về văn hóa và kinh tế.

- rise=increase (c) sự gia tăng
- crime (c/u) sự phạm tội, tội phạm
- mainly (adv) chủ yếu

- cultural (adj) văn hóa
- economic (adj) kinh tế
- factor = element (c) yếu tố

5) Bởi vì không tập trung vào những bài giảng ở lớp, thành tích học tập của anh ấy trong học kỳ 2 là khá tệ.

- lesson (c) lecture: bài giảng, bài học
- academic performance (u) learning outcome: thành tích học tập
- term=semester (c) học kỳ

6) Bởi vì nhận được quá nhiều sự chú ý trên mạng xã hội, anh ấy dần trở nên ngạo mạn và chỉ quan tâm đến những thú vui vô bổ.

- attention (u) sự chú ý
- social media (n) mạng xã hội
- gradually (adv) dần dần

- arrogant (adj) kiêu ngạo
- aimless=purposeless (adj) vô bổ
- pastime (c) thú vui

7) Bởi vì quá nuông chiều con cái, nhiều cha mẹ trực tiếp biến chúng trở thành những đứa trẻ không biết nghe lời.

- overly = excessively (adv) quá mức
- indulge (t) nuông chiều
- directly (adv) trực tiếp

- turn....into...: làm trở thành
 - disobedient (adj) không biết nghe lời
-
-

b. Mệnh đề chỉ nguyên nhân hoặc lý do

Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian thường được nối với mệnh đề chính bằng các liên từ:
because/since/as/seeing that/now that

Since, as và seeing that thường được sử dụng khi mệnh đề nguyên nhân không phải là phần quan trọng của câu. Trong khi đó because được dùng để đưa ra nguyên nhân mà người nói muốn nhấn mạnh.

Ex:

- Yesterday I did not go to work **because** I woke up too late.

(Ngày hôm qua tôi không đi làm bởi vì tôi thức dậy quá trễ)

- **Since** a politician never believes what he says, he is surprised when others believe him.

(Bởi vì một chính trị gia không bao giờ tin những gì mình nói, anh ấy ngạc nhiên khi người khác tin anh ta)

- **Now that** we're in Europe, we should visit the Netherlands.

(Bởi chúng ta đang ở Châu Âu, chúng ta nên ghé thăm Hà Lan)

- **Seeing that** he was a hard-working employee, he achieved a lot of impressive results.

(Bởi vì anh ấy là một nhân viên chăm chỉ, anh ấy đạt được rất nhiều kết quả ấn tượng)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.